

Nghệ An, ngày 31 tháng 7 năm 2026

### THÔNG BÁO

#### **Điểm chuẩn xét tuyển vào các ngành hệ cao đẳng chính quy, đợt 2 năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh**

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐT ngày 28/6/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh;

Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-ĐHSPKTV ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh Cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-ĐHSPKTV ngày 01 tháng 06 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh về việc kiện toàn Hội đồng tuyển sinh năm 2026;

Căn cứ hồ sơ đăng ký xét tuyển sớm cao đẳng chính quy, đợt 2 năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xét tuyển đợt 2 ngày 30 tháng 7 năm 2026 về kết quả xét tuyển trình độ cao đẳng chính quy, đợt 2 năm 2026.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh thông báo điểm chuẩn xét tuyển cao đẳng chính quy đợt 2 năm 2026 theo 2 phương thức xét điểm học tập cấp THPT và điểm thi tốt nghiệp THPT như sau:

| TT | Tên chương trình, ngành                      | Mã ngành | Điểm học tập THPT<br>trúng tuyển<br>- 200<br>(Thang điểm 30) | Điểm thi TN THPT<br>trúng tuyển<br>- 100<br>(Thang điểm 30) |
|----|----------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                    | 6510201  | 18.50                                                        | 16.50                                                       |
| 2  | Công nghệ chế tạo máy                        | 6510212  | 19.50                                                        | 17.50                                                       |
| 3  | Hàn                                          | 6520123  | 19.55                                                        | 17.55                                                       |
| 4  | Điện công nghiệp                             | 6520227  | 18.00                                                        | 16.00                                                       |
| 5  | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử             | 6510303  | 20.50                                                        | 18.50                                                       |
| 6  | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 6510305  | 20.50                                                        | 18.50                                                       |
| 7  | Công nghệ kỹ thuật ô tô                      | 6510202  | 20.50                                                        | 18.50                                                       |
| 8  | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí      | 6520205  | 19.50                                                        | 17.50                                                       |



**Bảng quy đổi điểm giữa 2 phương thức xét tuyển 100 và 200:**

| TT       | Mức điểm học tập THPT<br>(Thang điểm 30) | Mức điểm thi TN THPT<br>(Thang điểm 30) |
|----------|------------------------------------------|-----------------------------------------|
| Khoảng 1 | 28.00 – 30.00                            | 27.00 – 30.00                           |
| Khoảng 2 | 26.00 – 28.00                            | 24.00 – 27.00                           |
| Khoảng 3 | 24.00 – 26.00                            | 22.00 – 24.00                           |
| Khoảng 4 | 22.00 – 24.00                            | 20.00 – 22.00                           |
| Khoảng 5 | 19.00 – 21.00                            | 17.00 – 19.00                           |
| Khoảng 6 | 16.00 – 19.00                            | 14.00 – 17.00                           |

**Công thức quy đổi giữa 2 phương thức xét tuyển**

Từ Bảng phân vị tương quan với các giá trị khoảng điểm phân vị cụ thể sẽ thực hiện nội suy hàm quy đổi mức điểm chuẩn giữa các phương thức tuyển sinh khác nhau. Theo đó, từ mức điểm chuẩn  $x$  thuộc khoảng phân vị  $[a, b]$  của phương thức tuyển sinh này sẽ được nội suy tương đương sang mức điểm chuẩn  $y$  thuộc khoảng phân vị  $[c, d]$  tương ứng với phương thức tuyển sinh khác theo công thức như sau:

$$y = c + \frac{(x - a)}{(b - a)} \times (d - c)$$

Ví dụ 1: Thí sinh A: Điểm học bạ = 21.5  $\rightarrow$  thuộc khoảng 4 (20.0-22.0)

$$y = 18.0 + \frac{21.5 - 20.0}{22.0 - 20.0} \times (20.0 - 18.0) = 19.50$$

Như vậy điểm thi tốt nghiệp THPT tương đương = 19.50.

1. Mức điểm chuẩn nêu trên là điểm trúng tuyển có điều kiện. Thí sinh phải tốt nghiệp THPT và đang không tham gia học tập tại các trường khác.
2. Thông báo kết quả xét tuyển sẽ được gửi đến từng thí sinh qua đường bưu điện.
3. Thí sinh đảm bảo về tính chính xác, trung thực của tất cả thông tin và các giấy tờ minh chứng xét tuyển. Kết quả xét tuyển sớm được đưa ra dựa trên thông tin hồ sơ thí sinh cung cấp.

Bộ phận tuyển sinh, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh, Số 117, Đường Nguyễn Viết Xuân - Phường Trường Vinh - Nghệ An.

Điện thoại: 0966.22.37.37; Zalo: 0966.22.37.37

Website: [www.vuted.edu.vn](http://www.vuted.edu.vn); [tuyensinh.vuted.edu.vn](http://tuyensinh.vuted.edu.vn)

Thông báo này được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh để thí sinh và phụ huynh biết, thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ LĐTB&XH (để b/c);
- Ban giám hiệu (để c/đ);
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Trang Web Nhà trường;
- Lưu: VT, ĐT.

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**  
**CHỦ TỊCH**  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC**  
**SƯ PHẠM KỸ THUẬT**  
**VINH**  
**TS. Thái Anh Tuấn**